

KINH 94. MẶT TRĂNG¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Tăng-ca-la đến chỗ Phật, cùng Đức Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe lẫn nhau, rồi ngồi lui qua một bên bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, làm sao để có thể biết người nam bất thiện?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giống như trăng.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Làm sao để có thể biết người nam thiện?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Giống như trăng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là người nam bất thiện giống như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Như trăng cuối tháng², ánh sáng mất, màu sắc cũng mất, sở hệ cũng mất, ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm³, cho đến không còn xuất hiện. Cũng vậy, có người đối với Như Lai mà tín tâm tịch tĩnh⁴, thọ trì tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, nhường bớt phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật; nhưng sau đó lại thoái thất, tín tâm thanh tịnh đối với Như Lai, đối với sự trì giới, bố thí, nghe nhiều, chánh kiến chân thật ngay thẳng⁵; đối với sự bố thí, trì giới, đa văn, chánh kiến, tất cả đều bị đánh mất; ngày đêm càng lúc càng tiêu giảm, cho đến trong khoảnh khắc tất cả đều bị quên mất. Lại nữa, này Bà-la-môn, nếu người thiện nam nào, mà không thân quen gần gũi thiện tri thức,

1. Cf. N^o100(260); N 26. 148 (kinh Hà Khổ, đoạn cuối); N^o125 (17.8); Cf. A.v. 31.

2. Hán: nguyệt hắc phần 月黑分, phần tối của tháng, phần nửa sau của mỗi tháng. Pāli: kāla-pakkha.

3. Để bản: diệt 滅. Đọc theo bản Tống: giảm 減.

4. Để bản: tín gia tâm 信家心. Tống-Nguyên-Minh: tín tịch tâm 信寂心. Đoạn dưới: tịnh tín 淨信.

5. Hán: chân trực 真直; đoạn trên: chân thật 真實.

không thường xuyên nghe pháp, không suy nghĩ chân chánh, thân làm các hành vi ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về những điều ác, thì vì những nhân duyên ác đã tạo ra này, nên khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào trong đường ác, địa ngục. Như vậy, này Bà-la-môn, người nam bất thiện được ví như trăng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là người nam thiện được ví như trăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Như trăng đầu tháng⁶, ánh sáng và màu sắc tươi sáng, ngày đêm càng lúc càng sáng dần, cho đến khi trăng đầy, hoàn toàn tròn đầy tươi sáng. Cũng vậy, người nam thiện đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm thanh tịnh, cho đến, chánh kiến chân thật, chân tịnh càng tươi sáng, giới tăng, thí tăng, đa văn tăng, tuệ tăng, ngày đêm càng lúc càng tăng. Rồi vào lúc khác, gần gũi thiện tri thức, nghe thuyết chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, thân làm các việc lành, miệng nói những lời lành, ý nghĩ những điều lành; nhờ vào những nhân duyên này mà khi thân hoại mạng chung sẽ được hóa sanh lên cõi trời. Này Bà-la-môn, vì vậy cho nên người nam thiện được ví như trăng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Như trăng trong không bợn,
Chu du khắp hư không;
Trong tất cả tinh tú,
Ánh trăng sáng hơn hết.
Tịnh tín cũng như vậy,
Giới, văn, rộng bố thí,
Lìa bỏ sên trong đời,
Bố thí này sáng ngời.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tăng-ca-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui.

M

⁶. Hán: nguyệt tịnh phần 月淨分, phần sáng của tháng. Pāli: sukka-pakkha.

KINH 95. SANH VĂN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, tôi nghe Ngài nói rằng: “Chỉ nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn.” Bạch Cù-đàm, thế nào, những lời nói ấy có phải là lời nói thật chẳng? Chẳng phải là hủy báng Cù-đàm chẳng? Nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, không bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách chẳng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Người nào nói những lời như vậy là hủy báng Ta; không nói đúng như thuyết, nói đúng như pháp, nói theo thuận thứ của pháp, bị người khác dùng đồng pháp đến quở trách. Vì sao? Vì Ta không nói như vậy: “Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác là được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn; không phải cúng dường cho đệ tử của người khác mà được quả báo lớn.” Nhưng này Bà-la-môn Ta nói như vậy, những lời nói như trên sẽ tạo ra hai thứ chướng ngại: chướng ngại cho việc cúng dường của người thí chủ và làm chướng ngại cho người nhận đồ cúng dường.

“Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sanh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, huống chi là bố thí cho con người. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói, người nào cúng dường cho người trì giới, quả báo

⁷. A. iii. 57 Vacchagotta. Hán, N^o100(261).

đó sẽ không đồng với sự bố thí cho người phạm giới.”

Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, tôi cũng nói như vậy, cúng dường cho người trì giới sẽ được quả báo lớn, chứ không phải cúng dường cho người phạm giới.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Hoặc đen, hoặc trắng tinh,
Hoặc đỏ, hoặc có màu,
Màu tạp cùng vàng ròng,
Thuần vàng cùng màu xám,
Những trâu cái như vậy,
Trâu con đẹp đẽ này,
Đầy đủ sức cường tráng,
Khéo huấn luyện, đi nhanh,
Chỉ khiến chuyên chở nặng,
Không hỏi màu sắc nó.
Con người cũng như vậy,
Tùy thuộc vào nơi sanh,
Sát-lợi, Bà-la-môn,
Tỳ-xá, Thủ-đà-la,
Hạ tiện Chiên-đà-la,
Nơi sanh thấy không đồng.
Giả sử giữ tịnh giới,
Lìa gánh nặng phiền não,
Thuần nhất tu phạm hạnh,
A-la-hán lậu tận,
Đấng Thiện Thệ trong đời:
Cúng các Ngài, quả lớn.
Người ngu không trí tuệ,
Chưa từng nghe chánh pháp:
Cúng kia không quả lớn,
Vì không gần bạn lành.
Nếu gần thiện tri thức,
Như Lai cùng Thanh văn,
Tín tịnh nơi Thiện Thệ,*

*Căn sanh, lực kiên cố,
Sẽ đi về đường lành,
Sanh vào dòng tôn quý,
Cứu cánh Bát-niết-bàn,
Đại Tiên nói như vậy.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

M

KINH 96. DỊ BÀ-LA-MÔN⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn⁹ tuổi già sức yếu, chống gậy, cầm bát, đi khát thực từng nhà một. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

“Nay ông đã tuổi già sức yếu rồi, sao lại còn phải chống gậy cầm bát đi khát thực từng nhà?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, bao nhiêu tài vật có được ở trong nhà tôi, tất cả đều giao cho con trai, cưới vợ cho con trai. Nhưng sau đó chúng lại đuổi ra khỏi nhà, nên phải chống gậy, cầm bát đi khát thực từng nhà.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông có thể học thuộc lòng một bài kệ của Ta, rồi trở về nhà, ở giữa mọi người Bà-la-môn, đọc cho con trai của ông nghe được không?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, có thể được.”

Bấy giờ, Đức Phật liền nói bài kệ:

*Sanh con lòng vui mừng,
Vì con tích chứa của,
Rồi cưới vợ cho con.*

⁸. S. 7. 14 Mahāsāla. Biệt dịch, N^o100(262).

⁹. Pāli: brāhmaṇamahāsālo, đại phú Bà-la-môn.

*Nhưng mình phải bỏ nhà,
Đứa con quê mùa kia,
Nghịch, phụ ân cha mẹ,
Thân người, tâm La-sát,
Xua đuổi bậc già cả.
Như ngựa già vô dụng,
Bị cướp mất thóc lúa,
Con trẻ mà cha già,
Phải xin ăn từng nhà.
Gậy cong này hơn hết,
Ân ái hơn con đẻ,
Vì ta giữa trâu dữ,
Tránh đất hiểm, được an,
Xua đuổi loài chó dữ,
Giúp ta qua chỗ tối,
Tránh hầm sâu, giếng thẳm,
Cây cỏ và gai góc;
Nhờ sức oai cây gậy,
Đứng vững không té ngã.*

Sau khi nhận bài kệ từ Đức Thế Tôn, người Bà-la-môn liền trở về giữa đám đông Bà-la-môn, đọc lại cho con trai nghe. Trước hết ông cáo bạch mọi người: “Hãy nghe tôi nói.” Sau đó ông đọc lại bài kệ như trên. Người con trai vừa xấu hổ vừa sợ hãi, liền ôm chàng người cha mình đưa vào nhà, tắm rửa lau mình, mặc áo quần sạch sẽ và lập làm gia chủ.

Rồi thì, Bà-la-môn tự nghĩ: “Ta có được dòng họ tôn quý như hôm nay, là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Như kinh điển của ta đã dạy: ‘Là Thầy thì cúng dường như bậc Thầy; là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng. Những gì ta đã được hôm nay đều nhờ vào oai lực của Sa-môn Cù-đàm, Ngài là Thầy của ta. Hôm nay ta sẽ đem chiếc y quý giá tốt đẹp nhất cúng dường cho Cù-đàm.’”

Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quý giá nhất đến chỗ Đức Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, cùng thăm hỏi sức khỏe rồi, sau đó ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, ngày nay gia cư của con được thành tựu là nhờ

vào oai lực của đức Cù-đàm. Như kinh điển bên con đã dạy: “Là Thầy thì cúng dường như là bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như là Hòa thượng.” Ngày nay Cù-đàm là Thầy của con, xin thương xót con mà nhận chiếc y này.”

Vì thương xót mà Đức Thế Tôn đã nhận chiếc y.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói đủ các pháp, chỉ dạy, làm sáng tỏ, làm cho vui mừng.

Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ cáo lui.

M

KINH 97. KHÁT THỰC¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy có một Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy cầm bát đi khát thực từng nhà. Bà-la-môn này từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn liền tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm chống gậy bưng bát, đi khát thực từng nhà. Ta cũng chống gậy ôm bát đi khát thực từng nhà. Ta cùng Cù-đàm đều là Tỳ-kheo¹¹.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ để trả lời:

*Được gọi là Tỳ-kheo,
Chẳng chỉ vì khát thực.
Kẻ trì pháp tại gia,
Sao được gọi Tỳ-kheo?
Đã lừa dục tai hại,
Tu tập các chánh hạnh,
Tâm mình không sợ hãi,
Đó gọi là Tỳ-kheo.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ cáo lui.

¹⁰. S.7. 20. Bhikkhaka. Biệt dịch, N^o100(263).

¹¹. Pāli: Bhikkhako, người ăn xin, hành khát. Bản Hán hiểu là Bikkhu.

M

KINH 98. CANH ĐIỀN¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến trụ trong rừng Nhất-na-la¹³, tại tụ lạc Nhất-na-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào tụ lạc Nhất-na-la khát thực. Rồi Thế Tôn nghĩ: “Nay trời còn quá sớm. Giờ Ta hãy đi đến chỗ phân phát ẩm thực¹⁴ của Bà-la-môn làm ruộng là Bà-la-đậu-bà-giá¹⁵.” Bà-la-môn chuẩn bị đủ năm trăm cái cày, đang phân phát ẩm thực. Từ xa Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá nhìn thấy Đức Thế Tôn, bèn thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, nay tôi cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng gieo giống để cung cấp lương thực!”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta cũng cày ruộng gieo giống, để cung cấp lương thực.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Tôi không thấy Sa-môn Cù-đàm sấm cái cày, cái ách, dây buộc, cái bừa, hay cái roi, mà nay Cù-đàm lại nói: “Ta cũng cày ruộng, gieo giống, để cung cấp lương thực!”

Lúc ấy, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ rằng:

*Người tự nói cày ruộng,
Mà không thấy cái cày;
Lại bảo tôi cày ruộng.
Xin cho biết phép cày.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại rằng:

Tín tâm là hạt giống,

¹². S. 7. 11. Kasi; Sn. 14. Biệt dịch, N^o100(264).

¹³. Nhất-na-la 一那羅. Pāli: Ekanālā.

¹⁴. Hán: tác ẩm thực xứ 作飲食處. Pāli: parivesanā, sự phân phối thực phẩm, hay sự dọn ăn.

¹⁵. Hán: canh điền Bà-la-đậu-bà-giá 耕田婆羅豆婆遮. Pāli: kasi-bhāradvāja-brāhmaṇa.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Khổ hạnh mưa đúng mùa,
Trí tuệ là cày, ách,
Tâm quý là cán cày.
Tự gìn giữ chánh niệm,
Là người giỏi chế ngự.
Giữ kín nghiệp thân, miệng,
Như thực phẩm trong kho.
Chân thật là xe tốt,
Sống vui không biếng nhác,
Tinh tấn không bỏ hoang,
An ổn mà tiến nhanh,
Thẳng đến không trở lại,
Đến được chỗ không lo.
Người cày ruộng như vậy,
Chứng đắc quả Niết-bàn.
Người cày ruộng như vậy,
Không tái sinh các hữu.*

Bấy giờ, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật rằng:
“Cù-đàm rất giỏi cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật hay!”

Rồi thì, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói kệ, tín tâm đối với ông càng tăng, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá đem dâng cúng Phật một bát đầy đồ ăn thức uống thơm ngon. Đức Thế Tôn không nhận, vì có được là do nói bài kệ. Ngài bèn nói kệ rằng:

*Không vì việc nói pháp,
Nhận ăn thức ăn này.
Chỉ vì lợi ích người,
Nói pháp không thọ thực.*

Nói rộng như đã nói rộng với Hỏa chủng Bà-la-môn ở trước như vậy.

Lúc này, Bà-la-môn cày ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Đức Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, giờ con đem thức ăn này để chỗ nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn,

thiên thân, hay người thế gian nào, mà dùng thức ăn này được an ổn được. Nay Bà-la-môn, ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng hay chỗ đất nào ít cỏ tươi.”

Khi ấy, người Bà-la-môn này đem thức ăn đặt vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi bùng kêu xèo xèo. Như hòn sắt nóng được ném vào trong nước lạnh phát ra tiếng kêu xèo xèo; cũng vậy, thức ăn này được để vào trong nước không có trùng thì sôi bùng khói bốc lên và phát ra tiếng kêu xèo xèo. Bà-la-môn tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ đặc, có oai đức lớn, có oai lực lớn nên mới có thể làm cho đồ ăn thức uống thần biến như vậy.” Khi Bà-la-môn thấy thức ăn hiện điềm lành, lòng tin của ông càng tăng, lại bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, nay con có thể được phép ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc không?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông có thể được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc; được làm Tỳ-kheo.”

Sau khi Bà-la-môn này xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy về lý do người dòng họ quý tộc cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia, học đạo, sống không gia đình, cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

M